

Bản án số: 84/2022/DS-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v “*Tranh C hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Trân;

2. Ông Nguyễn Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST - DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh C hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Lê Thị M, sinh năm 1950;

Nơi cư trú: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà là chủ hụi, còn bà M là hụi viên, bà M đã tham gia rất nhiều dây hụi do bà làm chủ. Do có nhiều dây hụi bà M hốt mà không đóng tiền hụi nên đến tháng 10/2019 hai bên chót nợ, xác định bà M còn nợ bà số tiền hụi là

262.000.000 đồng nhưng bà bớt cho bà M 2.000.000 đồng, tính chẵn số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng. Bà M hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà 10.000.000 đồng cho đến khi trả hoàn tất số tiền 260.000.000 đồng, bà cũng đồng ý cho bà M trả dần. Từ tháng 01/2020 đến tháng 3/2021 bà M trả cho bà được 128.000.000 đồng nhưng trả không đúng hạn như thỏa thuận, có tháng trả, tháng không, cũng không trả đúng 10.000.000 đồng như thỏa thuận mà có khi trả 2.000.000 đồng, 5.000.000 đồng hoặc 7.000.000 đồng. Từ tháng 4/2021 đến nay bà M không trả nữa nên nay bà yêu cầu bà M phải trả tiếp cho bà số tiền hụi còn nợ là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi. Việc bà M chơi hụi với bà chỉ có bà với bà M nên bà chỉ yêu cầu cá nhân bà M trả, không yêu cầu chồng bà M liên đới trả, hơn nữa chồng bà M cũng đã mất (chết).

Tại đơn xin giải quyết ngày 01/4/2022, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị M trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị C làm chủ hụi. Đến khoảng tháng 10/2019 hai bên có chốt lại số tiền nợ hụi, xác định bà còn nợ bà C 262.000.000 đồng theo như lời trình bày của bà C. Bà C bớt cho bà 2.000.000 đồng, còn 260.000.000 đồng. Từ tháng 01/2020 đến tháng 3/2021 bà đã trả cho bà C được 128.000.000 đồng, còn nợ lại 132.000.000 đồng chưa trả do tình hình dịch bệnh khó khăn nên bà chưa có tiền trả.

Trước khi tổng kết nợ hụi vào tháng 10/2019, bà có trả cho bà C 40.000.000 đồng tiền hụi của những dây hụi trước (cụ thể như thế nào bà không nhớ chính xác vì thời gian đã lâu và chơi nhiều dây hụi) nhưng bà C lại cho rằng bà chưa trả nên hai bên xảy ra bất đồng, từ đó mới dẫn tới việc chốt tiền nợ hụi 262.000.000 đồng rồi hai bên nghỉ chơi hụi với nhau. Số tiền 40.000.000 đồng mà bà đã trả cho bà C trước đó không liên quan đến số tiền 262.000.000 đồng mà hai bên đã chốt.

Do trước đó bà đã trả cho bà C 40.000.000 đồng mà bà C không thừa nhận nên nay bà yêu cầu khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng này vào số tiền bà còn nợ là 132.000.000 đồng. Bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền 92.000.000đ (Chín mươi hai triệu đồng) và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hoàn tất số nợ. Nếu trường hợp bà có nhiều tiền thì bà sẽ nhiều hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh C: Đây là vụ án “*Tranh C hui*” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị đơn bà Lê Thị M trả cho bà số tiền hui còn nợ là 132.000.000 đồng. Bị đơn bà Lê Thị M thừa nhận có nợ bà C số tiền hui này nhưng do tình hình dịch bệnh, làm ăn khó khăn nên chưa thể trả. Trước tháng 10/2019 bà có trả cho bà C 40.000.000 đồng tiền hui của những dây hui trước nhưng bà C lại cho rằng bà chưa trả nên hai bên có xảy ra tranh C. Nay bà yêu cầu xem xét khấu trừ số tiền 40.000.000 đồng này vào số tiền 132.000.000 đồng còn nợ, bà sẽ trả cho bà C số tiền còn lại là 92.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hoàn tất số nợ.

Xét thấy, việc bà C làm chủ hui, còn bà M là hui viên, bà M có tham gia chơi nhiều dây hui do bà C làm chủ hui là có thật, được cả hai thừa nhận. Bà M cũng thừa nhận, tháng 10/2019 hai bên tiến hành chốt nợ, thống nhất số tiền hui bà M còn nợ bà C là 262.000.000 đồng nhưng bà C chỉ tính 260.000.000 đồng, sau khi chốt nợ thì bà M đã trả được cho bà C 128.000.000 đồng, còn nợ lại 132.000.000 đồng rồi ngưng luôn đến nay không trả. Xét đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó có căn cứ xác định bà M còn nợ bà C số tiền hui là 132.000.000 đồng.

Việc bà M cho rằng trước đó có trả cho bà C 40.000.000 đồng nhưng bà M không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của bà nên không có cơ sở xem xét. Do đó, bà M phải có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền hui còn nợ là 132.000.000 đồng. Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng của bà M nhưng không được bà C đồng ý. Xét thấy, việc trả như thế nào là thuộc về giai đoạn thi hành án do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.600.000 đồng (132.000.000 đồng x 5%). Do yêu cầu khởi kiện của bà C được C nhận nên bà M phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí này. Tuy nhiên, do bà M là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 16, 17, 24, 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về hộ, hội, bưu, phường;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. C nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với bà Lê Thị M về việc “Tranh C hội”.

Buộc bà Lê Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền hội còn nợ là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Ghi nhận bà C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị M được miễn nộp tiền án phí.
- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000đ (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006769 ngày 03/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3/. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

LÊ CHÍ HẬU